ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1669 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 9 năm 2015*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7325
Ngày 28/9/15
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính quy định quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1851/SGTVT-KHTC ngày 29/06/2015 về việc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra số 133/BC-STC-ĐT ngày 18/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ.
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi.
- Địa điểm xây dựng: Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công ngày 26/6/2012 - hoàn thành ngày 18/5/2015.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	**47.115.486.000**	**46.615.998.000**	**499.488.000**
- Vốn ngân sách TW	36.399.486.000	35.899.998.000	499.488.000
- Vốn ngân sách tỉnh	10.716.000.000	10.716.000.000	0

2. Chi phí đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	**51.605.000.622**	**47.115.486.000**
- Chi phí xây dựng:	42.864.822.000	41.531.266.000
- Chi phí thiết bị:	996.704.500	995.973.000
- Chi phí quản lý dự án:	729.532.000	729.532.000
- Chi phí tư vấn:	3.524.667.449	3.179.069.000
- Chi phí khác:	708.382.173	679.646.000
- Dự phòng:	2.780.892.500	0

(Chi tiết có bảng phụ lục số 01 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: *Đơn vị tính: Đồng*

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng cộng	**47.115.486.000**			
- Tài sản cố định	47.115.486.000			
- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền *(đồng)*	Ghi chú
Tổng số	**47.115.486.000**	
- Vốn ngân sách TW	36.399.486.000	
- Vốn ngân sách tỉnh	10.716.000.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm 11/9/2015:

+ Nợ phải thu: 275.422.000 đồng.

+ Nợ phải trả: 774.910.000 đồng.

Nguồn vốn trả nợ cho dự án: Từ nguồn thu hồi thanh toán vượt là 275.422.000 đồng, phần còn lại ngân sách Trung ương bổ sung 499.488.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số 02 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định *(đồng)*	Tài sản lưu động *(đồng)*
Sở Giao thông vận tải	47.115.486.000	0

3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 133/BC-STC-ĐT ngày 18/9/2015 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.659.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Viết Chữ

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN VỐN HOÀN THÀNH

Dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán
I	**Chi phí xây dựng**	**42.864.822.000**	**41.531.266.000**	**41.531.266.000**	**-1.333.556.000**
1	Gói thầu số 9a (Công trình bến, hạ tầng kỹ thuật, trạm biến áp, tường rào cổng ngõ, phá dỡ công trình cũ và kết cấu bao che)	34.072.709.000	33.515.616.000	33.515.616.000	-557.093.000
2	Gói thầu số 9b (nhà ga hành khách, nhà ở công vụ, gara, nhà để xe)	8.792.113.000	8.015.650.000	8.015.650.000	-776.463.000
	Giá trị được duyệt theo ban đầu sau khi giảm trừ khối lượng tính thừa	6.762.405.000	6.153.951.000	6.153.951.000	-608.454.000
	Giá trị khối lượng phát sinh	2.029.708.000	1.861.699.000	1.861.699.000	-168.009.000
II	**Chi phí thiết bị**	**996.704.500**	**995.973.000**	**995.973.000**	**-731.500**
III	**Chi phí quản lý dự án + đánh giá hồ sơ chấm xét thầu**	**729.532.000**	**729.532.000**	**729.532.000**	**0**
IV	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**3.524.667.449**	**3.179.069.000**	**3.179.069.000**	**-345.598.449**
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	1.016.337.000	968.094.000	968.094.000	-48.243.000
2	Khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán	1.156.406.022	1.033.835.000	1.033.835.000	-122.571.022
3	Thẩm tra thiết kế BVTC&DT	139.802.513	138.001.000	138.001.000	-1.801.513
4	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu	44.788.569	39.413.000	39.413.000	-5.375.569
5	Chi phí giám sát	985.408.345	959.170.000	959.170.000	-26.238.345

TT	Cơ cấu	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán
6	Đánh giá kiểm tra chất lượng công trình	181.925.000	40.556.000	40.556.000	-141.369.000
V	**Chi phí khác**	**708.382.173**	**679.646.000**	**679.646.000**	**-28.736.173**
1	Thẩm định giá	12.274.000	12.274.000	12.274.000	0
2	Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	114.191.800	96.000.000	96.000.000	-18.191.000
3	Thẩm định dự án	8.498.824	0	0	-8.498.824
4	Chi phí kiểm toán	169.047.659	169.161.000	169.161.000	113.341
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	48.689.318	48.300.000	48.300.000	-389.318
6	Bảo hiểm công trình	355.681.372	353.911.000	353.911.000	-1.770.372
VI	**Dự phòng chi**	**2.780.892.500**	**0**	**0**	**-2.780.892.500**
VII	**Tổng cộng**	**51.605.000.622**	**47.115.486.000**	**47.115.486.000**	**-4.489.514.622**

Phụ lục số 02

BẢNG CÔNG NỢ

Dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Sa Kỳ

(Kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I	**Chi phí xây dựng**		**41.531.266.000**	**41.212.879.000**	**-275.422.000**	**593.809.000**
1	Gói thầu số 9a	C.ty CP XD công trình Thủy Hà Nội	23.560.081.000	23.835.503.000	-275.422.000	0
2		Công ty Cổ phần xây dựng Lực Việt	9.955.535.000	9.955.535.000	0	0
3	Gói thầu số 9b	Công ty Cổ phần xây dựng Lực Việt	8.015.650.000	7.421.841.000	0	593.809.000
II	**Chi phí thiết bị**	C.ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bình Sơn	**995.973.000**	**995.973.000**	**0**	**0**
II	**Chi phí QLDA+ĐGHSDT**		**729.532.000**	**729.532.000**	**0**	**0**
	Quản lý dự án	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	405.473.000	405.473.000		
	QLDA và đánh giá hồ sơ dự thầu	Sở Giao thông vận tải	324.059.000	324.059.000		
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**		**3.179.069.000**	**3.131.429.000**	**0**	**47.640.000**
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư	LD Công ty Tư vấn và Ứng dụng khoa học công nghệ giao thông vận tải và Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng công trình Thủy Bộ Hồng Hưng	968.094.000	968.094.000	0	0

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
2	Khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán	LD Công ty Tư vấn và Ứng dụng khoa học công nghệ giao thông vận tải và Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng công trình Thủy Bộ Hồng Hưng	1.033.835.000	1.004.586.000	0	29.249.000
3	Thẩm tra thiết kế BVTC&DT	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng công nghiệp tàu Thủy (nay là Công ty Cổ phần SHEINCO)	138.001.000	138.001.000	0	0
5	Lập hồ sơ mời thầu	Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Xây dựng Quang Trung	39.413.000	39.413.000	0	0
6	Chi phí giám sát	C.ty CP tư vấn XD&ĐT Quảng Ngãi	900.411.000	882.020.000	0	18.391.000
7		Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Thái Bảo	58.759.000	58.759.000	0	0
8	Đánh giá kiểm tra chất lượng công trình	Trung tâm quy hoạch và Kiểm định chất lượng Công trình xây dựng Quảng Ngãi	40.556.000	40.556.000	0	0
IV	**Chi phí khác**		**679.646.000**	**546.185.000**	**0**	**133.461.000**
1	Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	Công ty TNHH Thương mại và Công Nghệ môi trường MD	96.000.000	96.000.000	0	0
2	Thẩm định dự án	Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam	12.274.000	12.274.000	0	0
2	Chi phí kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ tại Đà Nẵng	169.161.000	84.000.000	0	85.161.000
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Sở Tài chính	48.300.000	0	0	48.300.000
4	Bảo hiểm công trình	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà nẵng	353.911.000	353.911.000	0	0
V	**Tổng cộng**		**47.115.486.000**	**46.615.998.000**	**-275.422.000**	**774.910.000**